

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 8 - 2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nghiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Tâm;
Bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Nghi, là Thư ký Tòa án huyện An Lão;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Lâm H; sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn Long H, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. “Có mặt”.

2. Bị đơn: Anh Văn Công V; sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn Long H, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. “Có mặt”.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Địa chỉ: Tòa nhà CC5 Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bình Định - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện An Lão. Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Quy, chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Thành Quốc, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch

Ngân hàng chính sách xã hội huyện An Lão (*Văn bản uỷ quyền ngày 22 tháng 3 năm 2022*). “Có mặt”.

- Ông: Văn Công H1; nơi cư trú: thôn Long H, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. “Có mặt”.

- Bà: Nguyễn Thị T1; nơi cư trú: thôn Long H, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. “Có mặt”.

- Ông: Nguyễn Văn S; nơi cư trú: thôn Long H, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. “Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- Bà Phùng Thị Lệ Th; nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn Vân C, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định. “Có mặt”.

4. Những người làm chứng:

- Bà: Lê Thị S1; nơi cư trú: thôn Xuân Phong B, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. “Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- Ông: Nguyễn Minh T2 (Mười); nơi cư trú: thôn Xuân Phong B, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. “Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- Ông: Trần Thái H2; nơi cư trú: thôn Xuân Phong B, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. “Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- Ông: Châu Trọng Ng; nơi cư trú: thôn Tân A, xã An T, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. “Có đơn xét xử vắng mặt”.

- Ông: Đoàn Văn T3; nơi cư trú: thôn Tân Lập, xã An Tân, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. “Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- Ông: Nguyễn Phú Nh; nơi cư trú: thôn Tân L, xã An T, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. “Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- Ông: Văn Phụng T4; nơi cư trú: thôn Xuân Phong N, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. “Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- Ông: Trần Văn Th1; nơi cư trú: thôn Xuân Phong N, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. “Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- Ông Trần Khắc H3; nơi cư trú: thôn Long H, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. “Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- Ông: Đặng Văn H4; nơi cư trú: thôn Hưng N, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. “Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- Bà: Phùng Thị Thuý L; nơi cư trú: thôn Long H, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/9/2022, tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phùng Thị Lâm Hạnh, trình bày:

- Về hôn nhân: Trước khi kết hôn, chị H và anh V tìm hiểu nhau một thời gian, cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân, không ai ép buộc, đăng ký kết hôn ngày 08/3/2011 tại UBND thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi thành hôn, vợ chồng sống hạnh phúc tại thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh cho đến khi chị sinh con đầu tiên thì anh V yêu cầu chị chuyển về huyện An Lão sinh sống. Từ đó vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2020 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nguyên nhân mâu thuẫn là do thu nhập của anh V không ổn định nên mọi chi phí trong gia đình, chi phí học hành cho các con chị H đều gánh vác. Bên cạnh đó, anh V còn yêu cầu chị công khai tài chính và buộc chị đưa tiền cho anh V. Mặc khác anh V luôn đòi hỏi chuyện quan hệ vợ chồng, bất cứ lúc nào khi có nhu cầu, bất chấp khi có học sinh tới chơi hoặc trước mặt hai con nhỏ. Trong khi đó, chị không thể đáp ứng được cho nhu cầu của anh V, vì lý do sức khỏe của chị không đảm bảo, không phù hợp với các biện pháp tránh thai. Chị đã từng một lần mang thai và bỏ thai ngoài ý muốn, nên chị luôn ám ảnh, lo sợ khi gần gũi anh V. Nhưng anh V không thông cảm và hiểu cho chị mà anh V có những lời nói xúc phạm, chửi bới, có lần anh V đòi hỏi chuyện vợ chồng trước mặt 02 con chị không đồng ý thì anh V đã đánh chị gây thương tích phải nhập viện điều trị và chị phải nhờ Công an xã giải quyết. Công an xã nói chị làm đơn để xử lý thì chị nói rằng chỉ để Công an răn đe anh V chứ không làm lớn chuyện. Trong cuộc sống hàng ngày, chị và anh V không có tiếng nói chung, cả hai chưa bao giờ ngồi lại nói chuyện trực tiếp với nhau, mà chỉ trao đổi với nhau qua điện thoại, nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Sự việc mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh V vẫn không thay đổi. Trong quá trình Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, thì vào ngày 10/02/2023 anh V đã đuổi chị ra khỏi nhà. Anh V cho chị được dẫn theo con gái lớn còn đưa con trai thì anh V giữ lại. Hiện nay chị và đưa con gái lớn phải thuê nhà ở riêng. Vợ chồng chị đã sống ly thân mỗi người mỗi nhà từ ngày 10/02/2023 đến nay. Chị không còn yêu thương anh V nữa, chị xin được ly hôn với anh V.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Văn Ngọc Tường L, sinh ngày 12/11/2011 và Văn Hoàng A, sinh ngày 23/4/2016. Hiện nay con Tường L đang sống với chị H, con Hoàng A đang sống với anh V. Sau khi ly hôn chị H nhận nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con đến trưởng thành, yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con tên Văn Hoàng A hàng tháng, mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con Hoàng A tròn 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay chị thay đổi ý kiến của mình “sau ly hôn thì tùy nguyện vọng của con mà HĐXX phán xét, chị chỉ mong muốn được thăm nom con không được ai cản trở”.

- Về chia tài sản chung: Trong quá trình chung sống với nhau chị H và anh V tạo lập tài sản chung gồm: 01 (một) ngôi nhà xây vào năm 2020, trên đất của ông Văn Công H1 và bà Nguyễn Thị T1 (cha, mẹ đẻ của anh Việt), giá trị ngôi nhà

khoảng 800.000.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Piaggio, màu đỏ, biển kiểm soát 77M1-073.16; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 máy giặt hiệu Panasonic; 01 bếp ga hiệu Proma (những vật dụng này do chị H tự bỏ tiền mua sắm); 01 bộ ghế gỗ kiểu K3 (do anh V tự bỏ tiền mua). Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được chia đôi giá trị ngôi nhà nếu HĐXX giao ngôi nhà chung này cho anh V sử dụng, thì anh V phải thối lại cho chị H $\frac{1}{2}$ giá trị ngôi nhà là 400.000.000 đồng. Còn các tài sản khác sau khi ly hôn chị H xin được sở hữu, sử dụng 01 xe mô tô hiệu Piaggio. Giao anh V sử dụng 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 máy giặt hiệu Panasonic; 01 bếp ga hiệu Proma, bộ bàn ghế gỗ K3.

- Về khoản nợ chung: Trong quá trình chung sống chị H, anh V có nợ các khoản tiền dùng vào việc xây ngôi nhà chung là 310.000.000đ gồm: Nợ ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bình Định - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện An Lão 70.000.000 đồng; Nợ ông Nguyễn Văn S 50.000.000 đồng; Nợ bà Nguyễn Thị T1 100.000.000 đồng; Nợ bà Phùng Thị Lệ Th 90.000.000 đồng. Sau khi ly hôn, chị H chịu trách nhiệm trả số tiền nợ cho bà Phùng Thị Lệ Th 90.000.000 đồng. Giao anh V có chịu trách nhiệm trả các khoản nợ còn lại gồm: Nợ ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Bình Định – Phòng giao dịch huyện An Lão 70.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn S 50.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị T1 100.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn anh Văn Công V, trình bày:

- Về hôn nhân: Trước khi kết hôn, anh và chị H tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương như trình bày của chị H là đúng. Sau khi thành hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là do chị H thường phân bua, nói xấu anh V trên mạng xã hội. Trong cuộc sống hàng ngày chị H đi đâu, làm việc gì đều tự ý không hỏi anh V. Còn chuyện vợ chồng, chị H lúc nào cũng than mệt, không muốn gần gũi với anh. Chị H làm được bao nhiêu tiền cũng không công khai tài chính cho anh biết, còn gửi tiền cho Gì của chị H là 1.000.000 đồng/tháng mà không thông qua ý kiến của anh. Chị H nghe lời dì và con gái của dì chị H mà về nhà gây mâu thuẫn với anh. Do đó, vợ chồng cãi nhau, trong lúc nóng giận anh có tát chị H một cái. Việc chị H dọn ra ngoài sống riêng là do chị H đã tính toán từ lâu, đi thuê nhà và chuyển dần vật dụng nhỏ trong nhà để đi ở riêng, chị H tự bỏ nhà đi. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chưa đủ lớn để chị H phải yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nên anh V không đồng ý với yêu cầu của chị H, nhưng nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn vì nếu anh không đồng ý thì chị H cũng tự đơn phương ly hôn với anh.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 người con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh như chị H trình bày là đúng. Sau khi ly hôn, anh V nhận nuôi hết hai con đến trưởng thành, không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Anh V, chị H chỉ có tài sản chung là: 01 chiếc xe mô tô hiệu Piaggio, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 bếp ga, 01 bộ ghế gỗ kiểu K3 như chị Hạnh trình bày là đúng. Sau khi ly hôn, anh V nhận sở hữu, sử dụng các tài sản gồm 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 bếp ga, 01 bộ ghế K3. Giao cho chị H sử dụng 01 xe mô tô hiệu Piaggio và chị H phải bồi lại cho anh phần chênh lệch giá trị giữa chiếc xe và các vật dụng còn lại.

Đối với ngôi nhà được xây vào năm 2020 trên thửa đất được Nhà nước cấp cho cha mẹ anh là ông Văn Công H1 và bà Nguyễn Thị T1 mà vợ chồng đang ở là do ba, mẹ anh (ông H1, bà T1) xây cho vợ chồng anh ở. Trong đó, ba mẹ anh bỏ số tiền mặt là 530.000.000 đồng, mượn của ông Nguyễn Văn S 50.000.000 đồng, vợ chồng anh vay của ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Bình Định, phòng giao dịch huyện An Lão 70.000.000 đồng, ngoài ra mẹ anh (bà T1) đã đứng tên hội phụ nữ vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Bình Định, Phòng giao dịch huyện An Lão số tiền 100.000.000 đồng. Tổng cộng giá trị ngôi nhà đã xây năm 2020 là 750.000.000 đồng. Ngôi nhà này do ba mẹ anh xây dựng và cho vợ chồng anh ở, chứ vợ chồng anh không có đóng góp gì vào việc xây nhà này. Vợ chồng anh chỉ vay giùm cho ba mẹ anh 70.000.000 đồng khi ba mẹ anh xây nhà thiếu tiền. Sau ly hôn ngôi nhà này trả cho ba mẹ anh.

Về khoản nợ chung: Trong quá trình làm nhà ba mẹ anh V có nợ khoản tiền trên, nay nếu anh và chị H ly hôn thì anh V còn ở trong ngôi nhà này nên anh V chịu trách nhiệm trả các khoản nợ sau: Trả cho ông Nguyễn Văn S 50.000.000 đồng, trả cho ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Bình Định, Phòng giao dịch huyện An Lão 70.000.000 đồng, trả bà Nguyễn Thị T1 (mẹ của anh V) 100.000 000 đồng. Đối với khoản nợ mà chị H cho rằng có nợ của bà Phùng Thị Lệ Th 90.000.000 đồng thì anh V không biết, vì chị H vay để làm gì không cho anh V biết, nên anh V không chịu trách nhiệm khoản nợ này.

Tuy nhiên, tại phiên toà hôm nay, anh Văn Công V thay đổi lời khai về khoản nợ chung của ông Nguyễn Văn S 50.000.000 đồng, nợ ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Bình Định, Phòng giao dịch huyện An Lão 70.000.000 đồng, nợ bà Nguyễn Thị T1 (mẹ của anh V) 100.000 000 đồng, vì ngôi nhà của ba mẹ anh thì ba mẹ anh ở và ba mẹ anh có trách nhiệm trả các khoản nợ trên.

Tại bản khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Văn Công H1, trình bày:

Văn Công V là con trai của ông còn Phùng Thị Lâm H là con dâu. Sau khi cưới nhau thì vợ chồng V, H sống chung với gia đình ông (vì vợ chồng ông chỉ có V là con trai). Việc mâu thuẫn giữa vợ chồng của H, V là do H sống không trung thực về tài chính, H xem thường V vì Việt làm ít tiền. Thời gian gần đây vợ chồng V, H có xảy ra xô xát nhau, V có đánh H. Khi V, H xảy ra mâu thuẫn, ông đã mời mẹ của H (bà Th) đến để hai bên gia đình nói chuyện, phân tích cho V, H hiểu và thông cảm cho nhau, cùng nhau làm ăn, nuôi con nhưng H không nghe mà kiên quyết làm đơn nộp Tòa án để yêu cầu được ly hôn với V. Bản thân ông là cha ông mong muốn vợ

chồng H, V đoàn tụ cùng nhau làm ăn, nuôi dạy 02 con. Về ngôi nhà mà vợ chồng V, H đang ở là vào năm 2019 ông trúng tiền đền bù mở đất nên năm 2020 ông có đưa cho V 530.000.000 đồng để xây 01 ngôi nhà trên thửa đất được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông (ông H1, bà T1). Tại phiên tòa ông Huyện cho rằng ông không đưa tiền cho V mà ông nói với vợ chồng V, H là ông xây nhà để V, H ở riêng V, H đi kêu thợ để tiến hành xây dựng nhà. Mục đích ông xây nhà là để cho vợ chồng V, H ở và có chỗ để H dạy thêm chứ nếu ở chung một nhà thì H dạy thêm sẽ gây ồn ào trong khi ông đã lớn tuổi. Trong quá trình xây nhà vợ ông có vay mượn thêm 220.000.000 đồng gồm: mượn của ông Nguyễn Văn S 50.000.000 đồng, nhờ vợ chồng V, H vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Bình Định, phòng giao dịch huyện An Lão số tiền 70.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị T1 (vợ ông) đứng tên vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Bình Định, phòng giao dịch huyện An Lão số tiền 100.000.000 đồng. Tổng cộng chi phí xây dựng ngôi nhà là 750.000.000 đồng, do vợ chồng ông bỏ tiền và vay mượn để xây dựng. Nay nếu H, V đoàn tụ lại nuôi dạy hai con thì vợ chồng V, H được ở tại ngôi nhà đó và ông sẽ là người trực tiếp trả các khoản nợ khi xây nhà. Nhưng nếu V, H kiên quyết ly hôn thì ông sẽ lấy lại ngôi nhà không cho V hay H ở trong ngôi nhà này nữa. Số tiền nợ 220.000.000 đồng mà vợ chồng ông vay mượn thêm để xây nhà thì ông chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền này. Đối với số tiền 90.000.000 đồng mà chị H cho rằng có mượn của bà Th (mẹ chị H) để xây nhà thì ông H1 không biết.

Tại bản khai ngày 07/10/2022 và tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1, trình bày:

Văn Công V là con trai của bà còn Phùng Thị Lâm H là con dâu. Sự việc mâu thuẫn giữa vợ chồng V, H là do H không công khai tài chính, thời gian gần đây vợ chồng V, H có xảy ra xô xát, V có đánh H. Thấy vợ chồng mâu thuẫn với nhau trong khi ngôi nhà mới xây mà còn nợ tiền, bà có nhắc nhở để H tiết kiệm, nhưng H luôn né tránh, nên tình cảm mẹ chồng con dâu không được thân thiết. Khi vợ chồng V, H xảy ra mâu thuẫn bà đều khuyên bảo vợ chồng và la V nhưng sau đó H lại đi nói xấu bà và gia đình bà rất nhiều. Về ngôi nhà hiện nay V, H đang ở thì vào năm 2019, vợ chồng bà (ông H1 bà T1) trúng tiền đền bù mở đất, nên năm 2020 có xây 01 ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất nhà nước cấp cho vợ chồng bà, để cho vợ chồng V, H ở và có chỗ cho H dạy thêm. Vợ chồng bà có đưa cho V 530.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà thống nhất với ý kiến của ông H1 là không đưa tiền cho anh V mà nói với vợ chồng V, H xây nhà cho V, H ở và V, H đi kêu thợ xây nhà. Trong quá trình xây nhà thiếu tiền thì bà T1 còn vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Bình Định, Phòng giao dịch huyện An Lão số tiền 100.000.000 đồng. Việt có nhờ ông Nguyễn Văn S vay cho V mượn 50.000.000 đồng. V, H đứng tên vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Bình Định, Phòng giao dịch huyện An Lão số tiền 70.000.000 đồng. Tổng chi phí xây dựng ngôi nhà là 750.000.000 đồng. Bà T1 thống nhất với ý kiến của ông H1 là mong muốn V, H suy nghĩ lại để đoàn tụ, nuôi dạy hai con thì được ở ngôi nhà đó, vợ chồng bà sẽ là người

trực tiếp trả các khoản nợ trên. Nhưng nếu V, H ly hôn thì bà lấy lại ngôi nhà, không cho V hay H ở trong ngôi nhà này nữa. Vợ chồng bà sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ 220.000.000 đồng, trong đó có số tiền nợ 100.000.000 của bà vay Ngân hàng. Còn khoản nợ của bà Th thì bà không biết nên bà không có trách nhiệm trả.

Tại bản khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Lệ Th, trình bày:

Phùng Thị Lâm H là con gái của bà còn Văn Công V là con rể. Việc mâu thuẫn giữa vợ chồng V, H xảy ra bà biết được sau khi V, H xảy ra mâu thuẫn thì V đều gọi bà đến để hai bên gia đình giải quyết. Mâu thuẫn của H và V là do H đi làm lo cho gia đình, còn V đi làm thì không đưa tiền cho H mà thường xuyên đánh, chửi, hăm dọa đến tính mạng H. Mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên đã họp khuyên giải nhưng không hàn gắn được. Khi H nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì đối với bà, bà chỉ có một đứa con gái là H nên nguyện vọng của bà rất mong muốn H và V đoàn tụ để nuôi dạy các con. Tuy nhiên, vào ngày 10/02/2023 V gọi điện cho bà nói “bà đến dẫn H đi chứ không thì V giết H”, vì bà ở xa nên đã gọi điện nhờ em gái bà ở gần H đến nhà V, H. Sau đó V đã đuổi H ra khỏi nhà, H và đứa con đầu phải đi thuê nhà để ở, nay H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì do hai vợ chồng tự quyết định. Trong thời gian H, V chung sống với nhau thì vào năm 2020, vợ chồng H, V nói đang xây nhà và thiếu tiền, có nhờ bà đứng ra vay tiền của ngân hàng cho vợ chồng H, V mượn là 110.000.000 đồng, sau đó H đã trả cho bà được 20.000.000 đồng. Hiện nay H, V còn nợ bà 90.000.000 đồng. Nếu V, H ly hôn thì bà yêu cầu V và H phải trả cho bà số tiền này.

Tại bản khai ngày 07/10/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S, trình bày:

Ông Nguyễn Văn S không có bà con hay giòng họ gì với H và V, chỉ là người ở cùng thôn. Vào khoảng tháng 6 năm 2021, V và H xây nhà và thiếu tiền, có nhờ ông vay giúp tiền của ngân hàng cho vợ chồng H, V mượn, ông đã đưa số tiền này trực tiếp cho V nhận, hiện nay H, V còn nợ ông số tiền là 50.000.000 đồng. Nếu V, H ly hôn thì ông yêu cầu V phải trả cho ông số tiền gốc và tiền lãi khi đến hạn để ông trả cho Ngân hàng.

Tại bản khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Bình Định, Phòng giao dịch huyện An Lão ông Đặng Thành Quốc, trình bày:

Vào năm 2020, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện An Lão có cho vợ chồng anh Văn Công V và chị Phùng Thị Lâm H vay số tiền 70.000.000 đồng (trong đó có món vay 50.000.000 đồng, mục đích vay để trồng keo; món vay 20.000.000 đồng, mục đích làm nhà vệ sinh). Nay anh V chị H ly hôn thì Ngân hàng yêu cầu nếu ai sử dụng ngôi nhà thì người đó phải có trách nhiệm trả tiền lãi và gốc cho ngân hàng khi đến hạn đối với hai khoản vay trên. Nếu ngôi nhà mà ông H1 bà

T1 ở thì anh V chị H phải trả ngay số tiền gốc và lãi cho ngân hàng trước khi Tòa án ra quyết định ly hôn.

Tại bản khai ngày 16/3/2023 và tại phiên toà người làm chứng bà Phùng Thị Thuý L, trình bày:

Bà L là dì ruột của Phùng Thị Lâm H, là vợ của Văn Công V (chồng bà L là cậu ruột của V). Bà L ở gần nhà của V, H, nên chứng kiến rõ sự việc mâu thuẫn giữa vợ chồng V, H. Vào buổi chiều tháng 5/2022, bà đến nhà H chơi thấy H đang chuẩn bị một số món ăn chiêu đãi cho các cháu học sinh, thì V chửi rửa, đuổi H ra khỏi nhà, lúc này có cháu Nghiệp và bà can ngăn. Đến khoảng 23 giờ ngày 28/8/2022, bà đang ngủ thì nghe tiếng kêu ngoài cổng, bà ra mở cửa cổng thì nghe cô Hai Tơ, nói “*vợ chồng V đánh, chửi nhau dưới đó, chị xuống xem thử*”. Bà liền chạy xuống nhà V, H thì thấy V đang chửi rửa tục tĩu, nhào tới đánh H và đuổi H ra khỏi nhà, H ôm đầu, mặt mày bị xung húp, lúc này có chị Liên và cháu Nghiệp hàng xóm cũng đến can ngăn. Sáng ngày 29/8/2022, H nói đau đầu, hoa mắt, không thể xuống tựu trường, nhận lớp được, phải nhờ bà gọi điện xin phép thầy Bình (Hiệu trưởng nhà trường). Vào tối ngày 10/02/2023, vợ chồng V, H lại xảy ra mâu thuẫn, V gọi điện thoại cho chị Th (mẹ H, chị gái bà L) nói dẫn H ra khỏi nhà, nếu không V sẽ giết H. Vì ở xa, không thể có mặt kịp thời, lo lắng cho H và cháu ngoại nên chị Th có gọi điện nhờ bà xuống nhà xem tình hình như thế nào. Khi bà đến nơi thì thấy V và bà T1 (mẹ V) đang chửi, rửa H bằng những lời lẽ thô tục, V bảo bà dẫn đi đâu thì dẫn chứ không cho H ở trong nhà, lúc này cũng có cháu Phong đến can ngăn, V vẫn xông vào chửi và đòi đánh H. Bà có khuyên giải nhưng ông H1 (cha của V) chửi và đánh bà, lúc này có chị Liên cũng đến can ngăn. Mặc dù bà chạy ra ngoài đường ĐT 629 nhưng ông H1 vẫn chạy theo chửi và đánh bà. Sau đó, bà vẫn nghe vợ chồng ông H1 tiếp tục chửi mắng chị H. Hiện nay, vợ chồng H và V không còn sống chung được nữa, H phải thuê nhà ở riêng với con gái lớn, còn V đang ở ngôi nhà xây với con trai nhỏ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2022, người làm chứng ông Nguyễn Văn T2 (tên thường gọi Mười), trình bày:

Ông T2 tên thường gọi là Mười, không có bà con thân thuộc gì với anh V và chị H. Vào năm 2020, vợ chồng anh V, chị H có trực tiếp ký hợp đồng với ông để xây nhà tại thôn Long H, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định, nhưng sau đó, ông giao lại cho ông Trần Thái H2 là thợ chính trực tiếp thi công. Trong thời gian thi công có tạm ứng tiền, bà H có chứng kiến một vài lần, còn chủ yếu là anh V đưa tiền tạm ứng. Tổng số tiền công xây dựng nhà cho anh V, chị H đã thanh toán là 148.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2022, người làm chứng ông Trần Thái H2 trình bày:

Ông không có bà con thân thích gì với anh V và chị H. Vào năm 2020, ông là thợ chính, người trực tiếp thi công xây dựng nhà cho anh V và chị H, tại thôn Long H, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Thời gian thi công từ tháng 4/2020 đến khoảng tháng 8/2020 là hoàn thành. Trong thời gian xây nhà, anh V và chị H có đến

kiểm tra kỹ thuật xây dựng xem có đảm bảo không. Tổng số tiền công xây dựng nhà cho anh V, chị H đã thanh toán là 148.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2022, người làm chứng ông Nguyễn Phú Nh trình bày:

Ông không có bà con thân thích gì với anh V và chị H. Vào năm 2020, anh V và chị H có hợp đồng với ông để làm hệ thống cửa nhôm nhà cho anh V và chị H, tại thôn Long H, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Thời gian thi công từ tháng 9/2020 đến khoảng tháng 12/2020 là hoàn thành. Trong thời gian lắp ráp cửa, anh V và chị H có đến kiểm tra kỹ thuật, chị H có phục vụ nước uống và nửa buổi cho thợ. Sau khi hoàn thành, bàn giao, vợ chồng anh V, chị H đã thanh toán tiền cho ông là 96.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2022, người làm chứng ông Châu Trọng Ng trình bày:

Ông không có bà con thân thích gì với anh V và chị H. Vào năm 2020, anh V và chị H có hợp đồng với ông để làm hệ thống khung cửa sổ, hàng rào sắt và cửa tôn cho nhà anh V và chị H, tại thôn Long H, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Thời gian thi công khoảng từ tháng 10/2020 đến tháng 11/2020 là hoàn thành. Trong thời gian lắp ráp, anh V và chị H có đến kiểm tra kỹ thuật. Sau khi hoàn thành, bàn giao anh V, chị H đã thanh toán tiền cho ông là 34.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2022, người làm chứng ông Trần Khắc H3 trình bày:

Ông không có bà con giòng họ gì với anh V và chị H. Vào năm 2020, anh V có hợp đồng với ông để làm hệ thống đá Granit cho nhà anh V và chị H, tại thôn Long H, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Thời gian thi công khoảng cuối năm 2020. Trong thời gian thi công, anh V có đến kiểm tra kỹ thuật, chị H phục vụ nước uống và nửa buổi cho thợ. Sau khi hoàn thành, bàn giao anh V đã thanh toán tiền cho ông với số tiền 20.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2022, người làm chứng ông Văn Phụng T4 trình bày:

Ông không có bà con giòng họ gì với anh V và chị H. Vào năm 2020, anh V có hợp đồng với ông để làm hệ thống điện, nước cho ngôi nhà của anh V và chị H, tại thôn Long H, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Thời gian thi công từ tháng 10/2020 đến khoảng tháng 11/2020 là hoàn thành. Trong thời gian thi công, anh V và chị H có đến kiểm tra. Sau khi hoàn thành, bàn giao anh V đã thanh toán tiền cho ông với số tiền là 16.881.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2022, người làm chứng ông Trần Văn Th1 trình bày:

Ông không có bà con giòng họ gì với anh V và chị H. Vào năm 2020, anh V có hợp đồng với ông để ông đóng trần nhà cho ngôi nhà của anh V và chị H, tại thôn

Long H, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Trong thời gian thi công, anh V có đến kiểm tra, còn chị H thì đi dạy học. Sau khi hoàn thành, bàn giao, anh V đã thanh toán cho ông khoản tiền từ 25.000.000 đến 26.000.000 đồng, vì lâu quá nên ông không nhớ cụ thể số tiền.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2022, người làm chứng ông Đặng Văn H4 trình bày:

Ông không có bà con giòng họ gì với anh V và chị H. Vào năm 2020, anh V có hợp đồng với ông để ông chở cát xây nhà cho anh V và chị H, tại thôn Long H, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Sau khi hoàn thành, anh V đã thanh toán cho ông là 10.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/12/2022, người làm chứng ông Đoàn Văn T3 trình bày:

Ông không có bà con giòng họ gì với anh V và chị H. Vào năm 2020, anh V và chị H có hợp đồng với ông để ông sơn trít nhà cho anh V và chị H, tại thôn Long H, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Thời gian thi công khoảng 01 tháng là hoàn thành. Trong thời gian thi công, anh V và chị H có đến kiểm tra thợ làm, chị H có phục vụ nước uống và nửa buổi cho thợ. Sau khi hoàn thành, bàn giao, anh V đã thanh toán tiền cho ông là 16.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2022, người làm chứng bà Lê Thị S1 (Cửa hàng vật liệu xây dựng Trung Kiên) trình bày:

Vào khoảng năm 2020, anh V, chị H có đến cửa hàng của bà để mua vật liệu xây dựng nhà. Khi mua vật liệu xây dựng thì cả hai vợ chồng cùng đến mua, khi trả tiền thì có lúc anh V trả, có lúc chị H trả, bà không nhớ cụ thể số tiền mỗi người trả là bao nhiêu, vì khi bán vật liệu xong khách hàng trả tiền đủ thì bà xoá sổ, không còn lưu giữ sổ lại nữa, bà chỉ nhớ bán vật liệu cho vợ chồng anh V và chị H khoản hơn 200.000.000 đồng. Còn số tiền chi tiết, cụ thể là anh V và chị H giữ giấy tờ thì biết rõ hơn.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương (nơi vợ chồng anh V, chị H sinh sống) cho biết: chị H là giáo viên dạy cấp 3 tại trường Phổ thông trung học An Lão, anh V làm hợp đồng ở Ban quản lý rừng phòng hộ. Trước khi xây nhà vợ chồng sống hoà thuận, nhưng sau khi xây nhà, giữa anh V và chị H thường xảy ra mâu thuẫn. Định điểm là vào năm 2022 anh V có đánh chị H phải nhập viện. Thời gian gần đây, anh V đuổi chị H ra khỏi nhà. Hiện nay chị H thuê nhà ở riêng cùng đứa con gái lớn, còn đứa con trai nhỏ đang ở với anh V tại ngôi nhà mà hai vợ chồng đã ở.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H anh V không thỏa thuận được về việc chia tài sản chung nên nguyên đơn chị H đã yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Chị H đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 3.000.000 đồng. Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã chi phí hết, tại phiên toà hôm nay chị H yêu cầu anh V phải trả lại cho chị $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng chị đã nộp là 1.500.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán: Chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) từ khi thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng, tiến hành lấy lời khai nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; thu thập tài liệu, chứng cứ của vụ án đầy đủ, xác minh tình trạng hôn nhân, con chung đúng quy định tại Điều 97, 98, 99 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đúng quy định tại Điều 101, 104 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn quy định, cấp phát các văn bản tố tụng đúng trình tự thủ tục luật định.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật về việc xét xử vụ án. Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

- Về nuôi con chung: Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Văn Ngọc Trường L cho chị H nuôi dưỡng, giao cháu Văn Hoàng A cho anh V nuôi dưỡng, không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nào.

- Về tài sản chung: Về 01 ngôi nhà được xây dựng vào năm 2020, trên đất của ông Văn Công H1 và bà Nguyễn Thị T1, áp dụng Điều 61 Luật hôn nhân gia đình, Điều 213 của Bộ luật dân sự chia giá trị ngôi nhà cho chị H, giá trị ngôi nhà được xác định theo Điều 17 Thông tư liên tịch số: 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014. Đối với các tài sản (xe mô tô, máy giặt, tủ lạnh, bếp ga, bộ bàn ghế) các đương sự không thống nhất chia theo hiện vật thì chia theo giá trị hiện vật. Đối với các khoản nợ chung: chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Chia đôi khoản nợ đối với các bên.

- Về án phí: áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án có quan hệ tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”, giữa nguyên đơn chị Phùng Thị Lâm H và bị đơn anh Văn Công V, cùng cư trú tại huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Các điều kiện thụ lý như: Chủ thể, thẩm quyền đảm bảo nên Tòa án nhân dân huyện An Lão thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn S đã có đơn xin xét xử vắng mặt trước đó ông S đã có lời khai trực tiếp tại Tòa án. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227/BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt của ông S là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Về sự vắng mặt của những người làm chứng, tuy nhiên trước đó họ đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 2 Điều 229/BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt của những người làm chứng này là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị Lâm H và anh Văn Công V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định, như vậy hôn nhân của chị H anh V là hợp pháp. Sau khi thành hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do năm 2022 anh V có hành vi đánh chị H phải đi điều trị tại Trung tâm y tế huyện An Lão (có giấy ra viện, đa chấn thương do người khác tấn công), chửi, đuổi chị H ra khỏi nhà. Mâu thuẫn của chị H và anh V đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người sống mỗi nhà từ ngày 11/02/2023 đến nay, không ai quan tâm chăm sóc cho ai. Mặc dù anh V không đồng ý ly hôn với chị H nhưng có căn cứ cho rằng anh V có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người vợ. Mặt khác, chính quyền địa phương cũng đã xác nhận có sự việc mâu thuẫn giữa anh V và chị H và anh V đã đánh, đuổi chị H và đưa con đầu ra khỏi nhà đi sống ở nơi khác. Sự việc mâu thuẫn giữa chị H và anh V đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh V là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị H và anh V cùng khai có 02 con chung là Văn Ngọc Trường L, sinh ngày 12/11/2011 và Văn Hoàng A, sinh ngày 23/4/2016. Xét thấy các con đã trên 07 tuổi, nguyện vọng của cháu Trường L muốn được ở với mẹ và hiện nay chị H và cháu đang thuê nhà trọ ở riêng. Nguyện vọng của cháu Hoàng A tuy lần đầu cháu chưa xác định cụ thể nguyện vọng của mình nên lúc cháu chọn ở với mẹ, lúc cháu chọn ở với ba, nhưng lần xác định nguyện vọng thứ 2 cháu Hoàng A đã xác định cụ thể “nguyện vọng của cháu là muốn ở với ba”. Căn cứ vào quyền lợi, và điều kiện để đảm bảo tốt nhất về mọi mặt cho các con, nguyện vọng của các con, HĐXX xét thấy: giao con tên Văn Ngọc Trường L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng;

giao con tên Văn Hoàng A cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Tại thời điểm ly hôn không bên nào yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con, nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Đối với tài sản chung là ngôi nhà mà chị H anh Vt đang ở được xây trên thửa đất do UBND huyện An Lão cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Văn Công H1 và bà Nguyễn Thị T1, thấy rằng: Chị Phùng Thị Lâm H khai giá trị ngôi nhà theo đơn khởi kiện, mặc dù tại phiên tòa lúc đầu chị xác định là 812.000.000 đồng, nhưng sau đó chị khẳng định giá trị ngôi nhà là 800.000.000 đồng. Anh Văn Công V, ông Văn Công H1, bà Nguyễn Thị T1 xác định giá trị ngôi nhà là 750.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là ngôi nhà vật kiến trúc, công trình phụ, tường rào, cổng ngõ. Tòa án đã thành lập Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ và Hội đồng định giá tài sản với thành phần là các cơ quan chuyên môn của huyện. Tuy nhiên, qua 02 lần Hội đồng đến tại ngôi nhà để xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì anh Văn Công V và ông Văn Công H1 có hành vi ngăn cản, không cho Hội đồng định giá tiến hành định giá ngôi nhà và vật kiến trúc, công trình phụ, tường rào, cổng ngõ. Sau lần 01 không tiến hành định giá tài sản được, Tòa án đã triệu tập ông Văn Công H1 đến để làm việc, tại buổi làm việc, ông H1 thống nhất để Tòa án tiến hành định giá tài sản là ngôi nhà, vật kiến trúc, công trình phụ, tường rào, cổng ngõ. Tòa án tiến hành định giá tài sản lần 02. Tuy nhiên, khi Hội đồng định giá tài sản đến thì ông Văn Công H1 và anh Văn Công V lại tiếp tục có hành vi cản trở không cho Hội đồng định giá ngôi nhà, vật kiến trúc, công trình phụ, tường rào, cổng ngõ. Vì vậy, Hội đồng định giá đã lập biên bản về việc không thể tiến hành định giá tài sản được do hành vi cản trở. Vì không thể tiến hành định giá ngôi nhà, vật kiến trúc, công trình phụ, tường rào, cổng ngõ được nên căn cứ quy định tại Điều 17 Thông tư liên tịch số: 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ tư pháp - Bộ tài chính về định giá tài sản, thẩm định giá tài sản, HĐXX lấy mức giá trung bình cộng của các mức giá do các đương sự đã đưa ra (800.000.000 đồng + 750.000.000 đồng) : 2 = 775.000.000 đồng để xác định giá trị ngôi nhà, vật kiến trúc, công trình phụ, tường rào, cổng ngõ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.4]. Đối với các tài sản khác và vật dụng có trong nhà: Tại buổi định giá tài sản, ông Văn Công H1 anh Văn Công V cản trở không cho định giá ngôi nhà, vật kiến trúc, công trình phụ, tường rào, cổng ngõ nhưng không cản trở khi Hội đồng định giá các vật dụng có trong nhà gồm: xe mô tô hiệu Piaggio, tủ lạnh, máy giặt, bếp ga và bộ bàn ghế gỗ K3. Do đó Hội đồng định giá đã định giá và kết quả định giá tài sản ngày 16/02/2023 xác định giá trị từng loại như sau: 01 xe mô tô hiệu Piaggio, có giá trị 40.000.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu PanaSonic có giá trị 7.000.000 đồng; 01 bếp ga hiệu Proma có giá trị 2.000.000 đồng; 01 máy giặt hiệu PanaSonic có giá trị 1.500.000 đồng; 01 bộ ghế K3 có giá trị 20.000.000 đồng, tổng cộng là 70.500.000 đồng.

[2.5] Tổng giá trị tài sản chung: Ngôi nhà, vật kiến trúc, công trình phụ, tường rào, công ngõ là: $775.000.000 \text{ đồng} + 70.500.000 \text{ đồng (xe mô tô, tủ lạnh, bếp ga, máy giặt, bộ K3)} = 845.500.000 \text{ đồng}$. Mỗi bên được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung $845.500.000 \text{ đồng} : 2 = 422.750.000 \text{ đồng}$ là phù hợp với quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, giá trị chiếc xe mô tô có giá trị 40.000.000 đồng, đứng tên chủ sở hữu Phùng Thị Lâm H nên giao cho chị H được quyền tiếp tục sở hữu, sử dụng là phù hợp. Chiếc xe mô tô này được trừ vào giá trị tài sản chung mà chị H được chia là $422.750.000 \text{ đồng} - 40.000.000 \text{ đồng} = 382.750.000 \text{ đồng}$, như vậy anh V phải còn phải thối lại cho chị H số tiền chênh lệch tài sản chung là 382.750.000 đồng.

[2.6] Về khoản nợ chung: Trong quá trình chung sống chị H và anh Việt có khai các khoản nợ chung gồm: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh Bình Định - Phòng giao dịch huyện An Lão 70.000.000 đồng, nợ bà Nguyễn Thị T1 100.000.000 đồng, nợ ông Nguyễn Văn S 50.000.000 đồng, nợ bà Phùng Thị Lệ Th 90.000.000 đồng. Tổng cộng 310.000.000 đồng, mỗi bên phải chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ chung $310.000.000 \text{ đồng} : 2 = 155.000.000 \text{ đồng}$. Chị H nhận trách nhiệm trả khoản nợ cho bà Phùng Thị Lệ Th, anh V không nhận trách nhiệm trả các khoản nợ còn lại mà giao cho vợ chồng ông H1 bà T1 ở ngôi nhà thì có trách nhiệm trả các khoản nợ trên. Xét thấy, anh V là người trực tiếp ở tại ngôi nhà nên việc anh V phải có trách nhiệm trả các khoản nợ chung phát sinh trong quá trình làm nhà là phù hợp với yêu cầu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chị H tự nguyện nhận trả khoản nợ cho bà Phùng Thị Lệ Th nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này. Vì vậy, anh V phải có trách nhiệm trả các khoản nợ sau: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh Bình Định - Phòng giao dịch huyện An Lão 70.000.000 đồng, nợ bà Nguyễn Thị T1 100.000.000 đồng, nợ ông Nguyễn Văn S 50.000.000 đồng. Chị H có trách nhiệm trả khoản nợ cho bà Phùng Thị Lệ Th với số tiền 90.000.000đ. Vì chị H chỉ trả 01 khoản nợ cho bà Th 90.000.000 đồng, do đó chị H còn phải trả khoản nợ khi chia đôi cho anh V là $155.000.000 \text{ đồng} - 90.000.000 \text{ đồng} = 65.000.000 \text{ đồng}$.

[2.7] Xét ý kiến của anh V cho rằng ngôi nhà do cha mẹ của anh V xây, cho vợ chồng ở, vợ chồng anh không đóng góp tiền để xây dựng, nên không đồng ý chia $\frac{1}{2}$ giá trị ngôi nhà theo yêu cầu của chị H là không có cơ sở và không phù hợp với quy định của pháp luật, HĐXX không chấp nhận. Bởi lẽ, ngôi nhà này được xây dựng trong thời kỳ hôn nhân giữa anh V và chị H, ông H1 bà T1 tại bản khai tại Tòa án có nói *“vào năm 2020 đưa cho V 530.000.000 để xây nhà cho anh V, chị H ở và để cho chị H dạy thêm”*. Tuy tại phiên tòa ông H1 bà T1 cho rằng không đưa tiền cho V mà chỉ nói với vợ chồng V, H là ông bà làm nhà cho vợ chồng V, H sống riêng và V, H đi kêu người đến xây dựng. Mục đích xây nhà riêng cho vợ chồng V, H là để V, H ở riêng và có chỗ cho H dạy thêm chứ ở chung H dạy thêm sẽ gây ồn ào cho ông. Như vậy, ông H1 bà T1 xác định xây nhà là cho V, H ở trong quá trình V, H chung sống trong thời kỳ hôn nhân. Ngoài ra anh V và chị H có vay thêm ở bên ngoài một số tiền nữa để xây dựng ngôi nhà. Mặc khác, tại các lời khai của những người làm chứng

trong thời gian thi công, xây dựng ngôi nhà vào năm 2020, có xác nhận: “chị H anh V là người trực tiếp hợp đồng với chủ thầu để xây ngôi nhà này, trong quá trình xây dựng nhà chị H có đi mua vật liệu, có kiểm tra kỹ thuật, có phục vụ nước uống và nửa buổi cho thợ”. Như vậy, ngôi nhà này là tài sản chung của vợ chồng chị H và anh V là phù hợp theo quy định tại Điều 29, khoản 1 Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 213 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.8] Xét ý kiến của anh V cho rằng không biết việc chị H vay mượn tiền của bà Phùng Thị Lệ Th (là mẹ vợ anh V), nên anh không đồng ý trả khoản nợ này là không phù hợp nên HĐXX không chấp nhận. Bởi lẽ, chị H cho rằng trong quá trình làm nhà khó khăn chị H và anh V có nhờ mẹ chị (bà Th) đứng ra vay tiền giúp cho anh chị. Bà Th đã đứng tên vay cho vợ chồng anh V chị H mượn 110.000.000 đồng vào năm 2020. Sau đó, chị H đã trả cho bà 20.000.000 đồng, hiện còn nợ 90.000.000 đồng. Thời điểm bà Th cho vợ chồng anh chị mượn là vào năm 2020 là thời điểm anh V, chị H, ông H1, bà T1 và những người làm chứng xác định là thời điểm vợ chồng anh chị tiến hành xây dựng nhà và thời điểm này cả hai đang sống chung với nhau trong thời kỳ hôn nhân. Mặc khác, bà Th còn là mẹ ruột của chị H, là mẹ vợ của anh V, nên việc bà Th đứng tên vay tiền cho vợ chồng anh V chị H khi làm nhà là phù hợp. Do đó, số tiền bà Th cho vợ chồng anh V chị H mượn là có căn cứ.

[2.9]. Đối với các tài sản khác: Theo yêu cầu của chị H sở hữu 01 xe mô tô hiệu piaggio, biển kiểm soát 77M1-073.16, giao anh Việt sử dụng 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 bếp ga; giao cho anh V sở hữu 01 bộ ghế K3. Theo yêu cầu của anh V chia bằng hiện vật: Anh V được sở hữu 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 bếp ga, 01 bộ ghế K3; giao chị H được sở hữu chiếc xe mô tô và chị H phải thối lại phần chênh lệch giá trị tài sản giữa xe mô tô và các tài sản khác. Theo kết quả định giá tài sản ngày 16/02/2023 xác định: 01 xe mô tô có giá trị 40.000.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu PanaSonic có giá trị 7.000.000 đồng; 01 bếp ga hiệu Proma có giá trị 2.000.000 đồng; 01 máy giặt hiệu PanaSonic có giá trị 1.500.000 đồng; 01 bộ ghế K3 có giá trị 20.000.000 đồng. Xét thấy: Chiếc xe mô tô có giá trị 40.000.000 đồng, đứng tên chủ sở hữu Phùng Thị Lâm H nên giao cho chị H được quyền tiếp tục sở hữu, sử dụng là phù hợp. Còn các vật dụng khác (tủ lạnh, máy giặt, bếp ga, bộ K3) có giá trị 30.500.000 đồng giao cho anh V sử dụng là phù hợp. Tuy nhiên, vì giá trị tài sản chênh lệch nhau, nên phải chia bằng giá trị theo yêu cầu của anh V là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.10] Xét ý kiến của ông Văn Công H1 và bà Nguyễn Thị T1 cho rằng: Ngôi nhà được xây vào năm 2020 là do vợ chồng ông trúng mả đá vào năm 2019, năm 2020 ông bà bỏ ra 530.000.000 đồng và vay mượn thêm 220.000.000 đồng để xây dựng trên đất của ông bà, tổng giá trị ngôi nhà là 750.000.000 đồng, không phải là nhà của anh V và chị H, ông sẽ là người trực tiếp trả các khoản nợ 220.000.000 đồng gồm (nợ ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Bình Định, phòng giao dịch huyện An Lão 70.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị T1 vay của tổ phụ nữ thuộc khoản vay của ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Bình Định, phòng giao dịch huyện An Lão 100.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn S 50.000.000 đồng) là không có cơ sở và không phù hợp với quy định của pháp luật

nên không được HĐXX chấp nhận. Bởi lẽ, trong các lời khai có trong hồ sơ vụ án (tại bút lục số: 43, 44, 78, 79) ông, bà trình bày: “vào năm 2020 vợ chồng ông trúng mở đất, nên có xây 01 ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất Nhà nước đã cấp cho vợ chồng ông, để cho V, H ở và cho H dạy thêm”, “ông bà có đưa cho V 530.000.000 để mua vật liệu xây nhà”. Tại phiên tòa, ông bà cho rằng nói với vợ chồng V, H là xây nhà cho V, H ở riêng và có chỗ cho H dạy thêm, V, H đi kêu người xây. Như vậy, ông bà bỏ một khoản tiền để xây dựng ngôi nhà trong thời kỳ hôn nhân giữa anh V, chị H và có nói cho V, H biết, mục đích xây nhà là cho anh V, chị H ở và cho chị H dạy thêm. Vì vậy, tài sản này là tài sản được tặng cho chung giữa anh V và chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó ngôi nhà này là tài sản chung của vợ chồng anh V chị H.

[2.11] Xét ý kiến của bà Phùng Thị Lệ Th, yêu cầu anh V và chị H phải trả cho bà số tiền 90.000.000 đồng (bà đứng ra vay để cho vợ chồng chị H anh V xây nhà) là phù hợp. Tuy nhiên, chị H đồng ý trả số tiền này, bà Th đồng ý nên HĐXX chấp nhận.

[2.12] Về yêu cầu thay đổi, không thống nhất với người làm chứng là bà Phùng Thị Thúy L của ông Văn Công H1, HĐXX thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh V có đơn yêu cầu triệu tập 10 người làm chứng, chị H có đơn yêu cầu triệu tập 01 người làm chứng (bà Phùng Thị Thúy L), Thẩm phán đã tiến hành lấy lời khai và đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng trong vụ án. Việc đưa bà L tham gia vụ án với tư cách người làm chứng bởi lẽ, bà L ở gần nhà nên biết việc mâu thuẫn của vợ chồng anh V và chị H. Bà đã trực tiếp đến nhà khuyên giải nhiều lần khi anh V và chị H xảy ra xô xát, cãi nhau. Ngoài ra, bà L còn là dì ruột của chị H, nhưng bà L cũng là vợ của anh V (chồng bà L là cậu ruột của anh V), nên bà L đều có quan hệ bà con họ hàng với nguyên đơn và bị đơn. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng người làm chứng đối với bà Phùng Thị Thúy L theo đúng quy định tại Điều 77 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.] Từ những phân tích trên, về tài sản chung và các khoản nợ được chia như sau:

[3.1] Anh Văn Công V được sử dụng ngôi nhà có giá trị 775.000.000 đồng, 01 tủ lạnh hiệu PanaSonic có giá trị 7.000.000 đồng; 01 bếp ga hiệu Proma có giá trị 2.000.000 đồng; 01 máy giặt hiệu PanaSonic có giá trị 1.500.000 đồng; 01 bộ ghế K3 có giá trị 20.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản anh V được nhận là 805.500.000 đồng và có nghĩa vụ thối lại cho chị H tiền chênh lệch về tài sản là $\frac{1}{2}$ giá trị ngôi nhà là 382.750.000 đồng. Như vậy anh Văn Công V được chia giá trị tài sản là 805.500.000 đồng – 382.750.000 đồng = 422.750.000 đồng.

[3.2] Chị Phùng Thị Lâm H được sử dụng chiếc xe 01 xe mô tô, biển kiểm soát 77M1-073.16, có giá trị 40.000.000 đồng và tiền anh V thối lại giá trị chênh lệch về ngôi nhà chung là 382.750.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chị H được chia là: 40.000.000 đồng + 382.750.000 đồng = 422.750.000 đồng.

[3.3] Về khoản nợ: Tổng cộng số nợ chung của chị H và anh V là 310.000.000 đồng, mỗi bên phải chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ là 310.000.000 đồng : 2 = 155.000.000 đồng. Anh V trả 220.000.000 đồng gồm các khoản nợ (Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Bình Định, Phòng giao dịch huyện An Lão: 70.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn S 50.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị T1 100.000.000 đồng); chị H trả cho bà Th 90.000.000 đồng, như vậy chị H còn phải trả khoản nợ chênh lệch cho anh V là 155.000.000 đồng – 90.000.000 đồng = 65.000.000 đồng.

[3.4] Anh Văn Công V thôi lại cho chị Phùng Thị Lâm H giá trị chênh lệch về tài sản chung là 382.750.000 đồng, nhưng được trừ vào khoản tiền chênh lệch nợ chung mà chị H phải trả là 65.000.000 đồng. Như vậy, anh V còn phải thôi lại cho chị H số tiền là 382.750.000 đồng - 65.000.000 đồng = 317.750.000 đồng.

[4] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn chị Phùng Thị Lâm H đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng, Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã chi phí hết. Tại phiên tòa, chị H yêu cầu anh V phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền bằng 1.500.000 đồng là phù hợp, HĐXX chấp nhận buộc anh V phải trả lại cho chị H 1.500.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Nguyên đơn chị Phùng Thị Lâm H phải chịu: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì: chị Phùng Thị Lâm H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ngoài ra chị H được hưởng phần tài sản chung được chia nên chị H phải chịu án phí chia tài sản chung là 317.750.000 đồng + 40.000.000 đồng (giá trị xe) = 357.750.000 đồng x 5% = 17.887.500 đồng, tổng cộng 17.887.500 đồng + 300.000 đồng = 18.187.500 đồng. Tuy nhiên, chị H có đơn xin miễn, giảm án phí dân sự vì điều kiện khó khăn đột xuất, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chị Hạnh cư trú (UBND xã An Hòa, huyện An Lão, tỉnh Bình Định), nên chị H được giảm 50% mức án phí phải nộp là 18.187.500 đồng x 50% = 9.093.750 đồng, do đó, chị H còn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.093.750 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng mà chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001095 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, chị H còn phải nộp là 9.093.750 đồng – 300.000 đồng = 8.793.750 đồng.

[5.2] Bị đơn anh Văn Công V: Anh V được hưởng phần tài sản chung được chia nên theo quy định tại khoản 2 Điều 147/BLTTDS; điểm b, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh Việt phải chịu án phí là 422.750.000 đồng x 5% = 21.137.500 đồng.

[6] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát việc xét xử tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 29, 30, 31, 32, 33, 37, 38, 39, 40, 51, 53, 56, 59, 63, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 13, Điều 14, khoản 4 Điều 15, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phùng Thị Lâm H.

1. Về hôn nhân: Chị Phùng Thị Lâm H được ly hôn với anh Văn Công V.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con tên Văn Ngọc Trường L, sinh ngày 12/11/2011 cho chị Phùng Thị Lâm H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành.

2.2. Giao con tên Văn Hoàng A, sinh ngày 23/4/2016 cho anh Văn Công V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Tại thời điểm ly hôn, các bên không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con, nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Trong trường hợp cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. Về chia tài sản chung:

3.1. Anh Văn Công V được sở hữu ngôi nhà được xây trên thửa đất do UBND huyện An Lão, tỉnh Bình Định cấp cho ông Văn Công H1, bà Nguyễn Thị T1 tại thôn Long H, xã An H, huyện An Lão, tỉnh Bình Định, 01 tủ lạnh hiệu PanaSonic; 01 bếp ga hiệu Proma; 01 máy giặt hiệu PanaSonic; 01 bộ ghế K3. Anh Văn Công V có nghĩa vụ bồi lại cho chị H số tiền chênh lệch giá trị tài sản chung là 317.750.000 đồng (*Ba trăm mười bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

3.2. Chị Phùng Thị Lâm H được sở hữu, sử dụng 01 chiếc xe mô tô hiệu Piaggio, biển kiểm soát 77M1-073.16, đứng tên chủ sở hữu Phùng Thị Lâm H và được nhận

phần chênh lệch giá trị tài sản chung do anh Văn Công V thối lại với số tiền là 317.750.000 đồng (*Ba trăm mười bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

4. Về khoản nợ:

4.1. Anh Văn Công V có trách nhiệm và nghĩa vụ phải trả số tiền gốc 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) và tiền lãi khi đến hạn cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Bình Định - Phòng giao dịch huyện An Lão, trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

4.2. Chị Phùng Thị Lâm H có trách nhiệm và nghĩa vụ phải trả cho bà Phùng Thị Lệ Th số tiền là 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*).

5. Về chi phí tố tụng: Anh Văn Công V phải trả lại cho chị Phùng Thị Lâm H 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

6. Về án phí sơ thẩm:

6.1 Chị Phùng Thị Lâm H phải chịu án phí HNGĐ và án phí chia tài sản chung tổng cộng là 9.093.750 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001095 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão. Chị H còn phải nộp 8.793.750 đồng.

6.2. Anh Văn Công V phải chịu án phí chia tài sản chung là 21.137.500 đồng.

7. Về quyền lưu cư: Chị Phùng Thị Lâm H được quyền lưu cư tại ngôi nhà chung trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

9. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

9.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

9.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Lão;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND thị trấn Vân Canh (Bộ phận thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Nghiên

